

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01- 4 - 2020

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng;

2. Bà Trần Thị Đổi;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ Ch, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

(Bà Ch có đề nghị xử vắng mặt, Ông H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2021, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ Ch trình bày: Bà Ch và ông Nguyễn Đức H cưới nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh L. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 Ông H không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và hay cãi nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên bà Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về tình cảm: Bà Võ Thị Mỹ Ch yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Võ Kim H, sinh ngày 04/02/2007 và Nguyễn Võ Hoàng N, sinh ngày 09/10/2008. Khi ly hôn bà Ch yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu Ông H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức H vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tiến hành liên lạc và tổng đạt các thủ tục tố tụng cho ông Nguyễn Đức H theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, Ông H biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà Ch nhưng Ông H không cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ Ch có đề nghị vắng mặt. Ông Nguyễn Đức H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ Ch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị Mỹ Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức H, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ Ch có đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Đức H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Ch và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, L vào ngày 02/02/2007 nên hôn nhân giữa bà Ch và ông H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Ch đối với Ông H: bà Ch cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông H không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không H phúc. Xét ý kiến của bà Ch trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 06 năm 2020 đến nay và cương quyết ly hôn. Tòa án đã triệu tập ông H nhiều lần để hòa giải nhưng với ông H vẫn có tình vắng mặt, không cung cấp ý kiến về việc bà Ch xin ly hôn cho thấy ông H không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, HĐXX xét hôn nhân giữa bà Ch với ông H đã mâu

thuần trọng, nên bà Ch yêu cầu xin ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà Võ Thị Mỹ Ch và ông Nguyễn Đức H có 02 con chung tên Nguyễn Võ Kim H, sinh ngày 04/02/2007 và Nguyễn Võ Hoàng N, sinh ngày 09/10/2008. Khi ly hôn bà Ch yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Xét tại bản tự khai ngày 24/02/2021, cháu Nam và cháu Hằng đều có nguyện vọng sống với ông H. Do đó, cần giao 02 con chung Nguyễn Võ Kim H và Nguyễn Võ Hoàng N cho ông H nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông H vắng mặt nên không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung, bà Ch không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Mỹ Ch trình bày tài sản chung của bà và ông Nguyễn Đức H sẽ tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Bà Võ Thị Mỹ Ch trình bày giữa bà và ông Nguyễn Đức H không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6]. Đối với ông Nguyễn Đức H vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa bà Ch và ông H có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ Ch phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Thị Mỹ Ch với ông Nguyễn Đức H.

Bà Võ Thị Mỹ Ch được ly hôn với ông Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Đức H được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Võ Kim H, sinh ngày 04/02/2007 và Nguyễn Võ Hoàng N, sinh ngày 09/10/2008, hiện con chung đang sống với Ông H.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Mỹ Ch không phải cấp dưỡng nuôi con vì ông H không yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Mỹ Ch trình bày tài sản chung của bà và ông Nguyễn Đức H sẽ tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

6. Về nợ chung: Bà Võ Thị Mỹ Ch trình bày giữa bà và ông Nguyễn Đức H không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Về án phí: Bà Võ Thị Mỹ Ch phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sung vào ngân sách Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà Ch đã nộp theo biên lai số 0007387 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành, bà Ch đã nộp xong.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

9. Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã M (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Linh Duy

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hoàng – Trần Thị Đổi

Nguyễn Khắc Linh Duy

